UBND QUẬN BÌNH TÂN **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1691/GDĐT Về thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách phát triển giáo dục mầm non năm học 2022-2023	*Bình Tân, ngày 07 tháng 9 năm 2022*

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS (CL);
- Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;*(đính kèm)*

Căn cứ Công văn số 2987/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (Công văn 2987/SGDĐT-KHTC).*(đính kèm)*

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân đề nghị Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS (CL), các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách phát triển giáo dục mầm non năm học 2022-2023, như sau:

A. Chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập.

I. Đối tượng áp dụng

1/ Đối tượng được miễn học phí gồm

- Các đối tượng được quy định tại Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

- Học sinh, học viên, sinh viên thuộc hộ nghèo chuẩn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố từ cấp mầm non đến trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

2/ Đối tượng được giảm 50% học phí gồm

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, học viên, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- Trẻ em, học sinh, học viên là thành viên thuộc hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các trường từ mẫu giáo đến trung học phổ thông công lập và ngoài công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

3/ Chính sách miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

- Đối tượng được miễn 100% gồm: Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối tượng được giảm 50% gồm: Học sinh là thành viên thuộc hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách vở và đồ dùng học tập khác, gồm:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

- Học sinh, học viên là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

II. Quy trình thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Hồ sơ thủ tục thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chí phí học tập đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

1/ Hồ sơ

Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. (**Lưu ý: Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo).**

2/ Trình tự thực hiện

Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ mầm non, học sinh phổ thông thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập nộp Đơn (theo mẫu tại Phụ lục II; Phụ lục III; Phụ lục IV; Phụ lục VI Nghị định 81/2021/NĐ-CP) và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 81/2021/NĐ-CP) để minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục.(các Phụ lục đính kèm)

3/ Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

B. Chính sách phát triển giáo dục mầm non

I. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo

1/ Đối tượng áp dụng

Các đối tượng được hỗ trợ được quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

2/ Mức hỗ trợ ăn trưa

Mức hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng, thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3/ Thành phần hồ sơ; trình tự, thời gian; phương thức thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP.

II. Chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh

1/ Đối tượng áp dụng

- Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

- Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

- Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định 105/2020/NĐ-CP.

2/ Chính sách hỗ trợ

2.1/ Chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp

- Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

- Mức hỗ trợ:

+ Cơ sở giáo dục độc lập có dưới 30 trẻ được hỗ trợ 20.000.000 đồng;

+ Cơ sở giáo dục độc lập có từ 30 trẻ đến dưới 50 trẻ được hỗ trợ 35.000.000 đồng;

+ Cơ sở giáo dục độc lập có từ 50 trẻ đến 70 trẻ được hỗ trợ 50.000.000 đồng;

2.2/ Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

- Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

2.3/ Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

- Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng.

- Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

- Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

3/ Thành phần hồ sơ, trình tự thời gian và phương thức thực hiện

3.1/ Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 8 Nghị định 105/2020/NĐ-CP.

3.2/ Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Nghị định 105/2020/NĐ-CP.

C. Nội dung và thời gian báo cáo

1. Nội dung báo cáo: (theo mẫu đính kèm)

2. Báo cáo kèm bản sao có chứng thực các giấy tờ minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách phát triển giáo dục mầm non năm học 2022-2023 gửi về Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo quận (Đ/c Âu) đến hết ngày 20/10/2022.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.

1743/GDĐT-DT

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngô Văn Tuyên

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Biểu số: 01/TH-MGHP

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN MIỄN-GIẢM HỌC PHÍ CHO HỌC SINH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2022-2023

(Đính kèm công văn số 1691 /GDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2022)

ĐVT: đồng.

Stt	Họ và tên học sinh	Giấy tờ minh chứng	Miễn 100% (HS thuộc hộ nghèo, hoc sinh khuyết tật)			Giảm 50% (HS thuộc hộ cận nghèo)			Tổng cộng		
			Số tiền	Trong đó		Số tiền	Trong đó		Số tiền	Trong đó	
				Học phí	Tiền học buổi 2		Học phí	Tiền học buổi 2		Học phí	Tiền học buổi 2
A	B	1	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8=9+10	9=3+6	10=4+7
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
			-			-			-	-	-
	Tổng cộng										

Ghi chú:

- Cột 1: Giấy tờ minh chứng (Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật, Giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân Phường, Xã xác nhận)

- Học phí năm học 2022-2023:

+ Nhà trẻ: 200.000 đ/học sinh/tháng x 9 tháng = 1.800.000 đ

+ Mẫu giáo: 160.000 đ/học sinh/tháng x 9 tháng = 1.440.000 đ

+ Trung học cơ sở: 60.000 đ/học sinh/tháng x 9 tháng = 540.000 đ

Ngày tháng năm 2022

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Biểu số: 02/TH-HTCPHT

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỌC SINH KHUYẾT TẬT, HỌC SINH MỒ CÔI CẢ CHA LẪN MẸ NĂM HỌC 2022-2023

(Đính kèm công văn số 1691 /GDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2022)

Stt	Họ và tên học sinh	Giấy tờ minh chứng	HỌC KỲ I				HỌC KỲ II				Tổng cộng số tiền	Ngày, tháng, năm cấp giấy xác nhận khuyết tật
			Diện hộ nghèo		Học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		Học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ			
			Số tháng (4 tháng)	Số tiền	Số tháng (4 tháng)	Số tiền	Số tháng (5 tháng)	Số tiền	Số tháng (5 tháng)	Số tiền		
A	*B*	*1*	*2*	*3=2x150.000 đ*	*4*	*5=4x150.000 đ*	*6*	*7=6x150.000 đ*	*8*	*9=8x150.000 đ*	*10=3+5+7+9*	*11*
			4		4		5		5			
			4		4		5		5			
			4		4		5		5			
			...		...		...		...			
	Tổng cộng			-		-		-		-	-	

Ngày tháng năm 2022

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Mẫu số 01

DANH SÁCH HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ 3, 4, 5 TUỔI
NĂM HỌC 2022-2023

(Đính kèm Công văn số 1691/GDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2022)

STT	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/tháng (đồng)	Số giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo, giấy xác nhận khuyết tật	Số tháng được hưởng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)	(8)
	...		160.000			0	
	...		160.000			0	
	Cộng					**0**	

Ghi chú:

- Đơn vị gửi kèm:
- Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân Xã, Phường xác nhận cho từng trường hợp.
- Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân Xã, Phường xác nhận cho từng trường hợp.
- Cột (6): Số tháng được hỗ trợ là số tháng học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học.

.....ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp

Kính gửi: Cơ sở giáo dục mầm non ..... (1)

Họ và tên..... (2):

Số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân..... cấp ngày... tại.....

Đang công tác tại.....(3)

Là cha/mẹ (hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng) của..... (4)

Sinh ngày:..... Hiện đang học tại..... (5)

Thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP Ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân theo quy định hiện hành./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NƠI CHA/MẸ/NGƯỜI CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ EM ĐANG CÔNG TÁC

Tên đơn vị.....(3)

Xác nhận ông/bà:.....(2) đang làm việc tại đơn vị/cơ quan.

Các chi tiết nêu trong đơn là phù hợp với hồ sơ mà đơn vị đang quản lý.

Đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân theo quy định hiện hành./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên đầy đủ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục nơi trẻ mầm non đang theo học.
(2) Cha/mẹ/người chăm sóc trẻ em là công nhân lao động đang công tác tại khu công nghiệp.
(3) Tên đơn vị/công ty/nhà máy trong khu công nghiệp, khu chế xuất nơi trực tiếp quản lý cha/mẹ/người chăm sóc trẻ.
(4) Họ và tên trẻ.
(5) Ghi rõ tên nhóm/lớp và cơ sở giáo dục mầm non trẻ đang học (1).

Mẫu số 05

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON.....

DANH SÁCH GIÁO VIÊN MẦM NON DÂN LẬP, TƯ THỤC ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP

(Dùng cho Cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục)

Tổng số giáo viên của cơ sở GDMN:.....

Tổng số giáo viên được hưởng chính sách.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Dạy tại nhóm/ lớp	Tổng số trẻ trong nhóm/ lớp	Số trẻ là con công nhân trong nhóm/lớp	Mức tiền được hưởng/ tháng	Số tháng được hưởng	Tổng số tiền
1	Nguyễn Thị A								
	...								

.....ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)